TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1361/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 664/2025/TLST-HNGĐngày 07 tháng 10 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hônthỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Hữu L, sinh năm: 1998; Địa chỉ: A Hồ H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Trần Mỹ T, sinh năm: 1998; Địa chỉ: 4 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2023 ngày 24/3/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 16/9/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/11/2025, ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Nguyễn Trần Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Phạm Hữu L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ tháng 11/2025.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không có tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2023 ngày 24/3/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/4/2023. Bà Nguyễn Trần Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Phạm Hữu L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ tháng 11/2025.

Kể từ khi bà Nguyễn Trần Mỹ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Hữu L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Trần Mỹ T và ông Phạm Hữu L đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T đã nộp theo biên lai thu số 0023750 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Trần Mỹ T đã đóng đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV7-TPHCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Phòng THADS KV7-TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bửu Tịnh